

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 10/2025/QĐST-HNGĐ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn
trái pháp luật và công nhận
quan hệ hôn nhân.

Gia Lai, ngày 03 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - GIA LAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Hồng Hoàng.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên họp:
Bà Nguyễn Trường Minh Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 76/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Ông Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 04/4/1957, Căn cước công dân số 052057009095, quê quán: Phường H, tỉnh Gia Lai, nơi thường trú: Tổ E, Khu phố C, phường B, tỉnh Gia Lai.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 24/8/1969, Căn cước công dân số 052169000590, quê quán: Kênh G, T, Hải Phòng, nơi thường trú: Tổ E, Khu phố C, phường B, tỉnh Gia Lai.

- ***Những người tham gia tố tụng khác:*** Không có.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Nguyễn Ngọc M trình bày: Ngày 01/10/1983, ông và bà Nguyễn Thị Thu T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nghĩa Bình. Khi kê khai vì không nhớ chính xác ngày tháng năm sinh nên bà T đã kê khai không đúng với giấy khai sinh dẫn đến giấy kết hôn bị sai ngày tháng năm sinh của bà T. Theo giấy khai sinh của bà T thì thời điểm kết hôn bà T chưa đủ tuổi theo qui định, việc kết hôn là

trái pháp luật. Nay ông M yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn giữa ông và bà T theo Giấy công nhận kết hôn số 443 ngày 01/10/1983 và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của ông bà kể từ thời điểm bà T đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định.

- Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Ngày 01/10/1983, bà đến Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nghĩa Bình đăng ký kết hôn với ông M. Vì không nhớ nên bà khai ngày sinh không đúng. Thời điểm kết hôn, bà chưa đủ tuổi theo qui định của pháp luật. Nay ông M yêu cầu hủy kết hôn thì bà đồng ý và bà cũng yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của bà và ông M kể từ thời điểm bà đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu và tại phiên họp; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết việc dân sự, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ông M về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật, công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà T kể từ ngày 24/8/1987. Về lệ phí sơ thẩm: Ông M được miễn lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Ông M yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông và bà T, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm bà T đủ tuổi kết hôn. Ông M và bà T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nghĩa Bình (nay là phường H, tỉnh Gia Lai). Căn cứ khoản 1 Điều 29, Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai và quan hệ pháp luật được xác định là Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân.

[2] Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt ông M, bà T.

[3] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Việc kết hôn của ông M và bà T là tự nguyện, đăng ký tại đúng cơ quan có thẩm quyền. Theo Giấy công nhận kết hôn số 443 quyển số 01 đăng ký ngày 01/10/1983 ghi bà Thủy sinh năm 1965. Theo Giấy khai sinh của bà T đăng ký ngày 23/02/1976 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Nghĩa Bình thì bà Thủy sinh ngày 24/8/1969. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà T đã kê khai không đúng ngày tháng năm sinh của mình và bà T chưa đủ tuổi kết hôn theo qui định tại Điều 6 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959. Do đó, việc kết hôn giữa ông M và bà T theo Giấy công nhận kết hôn số 443 quyển số 01 đăng ký ngày 01/10/1983 là trái pháp luật. Vì vậy, chấp

nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông M.

[4] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông M bà T tự nguyện đi đến hôn nhân, từ khi đăng ký kết hôn ngày 01/10/1983 đến nay ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Căn cứ Giấy khai sinh của bà T thì ngày 24/8/1987 bà T đủ tuổi kết hôn. Ông M bà T cùng có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ khi bà T đủ tuổi kết hôn nên theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà T kể từ ngày 24/8/1987.

[5] Về lệ phí sơ thẩm việc dân sự: Ông M là người cao tuổi nên được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tại phiên họp về việc giải quyết việc dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 29, Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, các điều 149, 367, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; các điều 8, 11, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc M. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Thị Thu T theo Giấy công nhận kết hôn số 443 quyền số 01 đăng ký ngày 01/10/1983 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nghĩa Bình (nay là phường H, tỉnh Gia Lai).

- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc Minh S ngày 04/4/1957 và bà Nguyễn Thị Thu T sinh năm 24/8/1969 kể từ ngày 24/8/1987.

- Về lệ phí và tạm ứng lệ phí: Ông Nguyễn Ngọc M được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về dân sự. Khi thụ lý việc dân sự, ông M là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng lệ phí nên không xem xét việc trả lại.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp họ không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn đó được tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 - Gia Lai;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Ủy ban nhân dân phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Hồng Hoàng